TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC LẶC** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 20/2024/DS-ST Ngày: 10 - 12 - 2024 V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Hoàn

Ông Bùi Trung Thành

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Mỹ Duyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2023 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 83/2024/QĐST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H; sinh năm: 1992; nơi cư trú: Khu phố X, thị trấn N, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- *Bị đơn*: Chị Trương Thị L; sinh năm: 1988; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hoá.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Phạm Văn T; sinh năm: 1984; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà có mặt chị H, vắng mặt anh T, chị L. Anh T, chị L vắng mặt không có lý do lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/12/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Ngày 16/7/2022, chị Trương Thị L cùng chồng là anh Phạm Văn T cần tiền kinh doanh có vay chị số tiền là 280.000.000đ, hẹn đến ngày 16/10/2022 sẽ trả tiền. Đến hẹn, chị L và anh T nêu lý do chưa vay được tiền Ngân hàng nên chưa trả được cho chị. Nhưng khi vay

được tiền Ngân hàng thì L và anh T đã cắt mọi liên lạc với chị. Nay chị làm đơn này yêu cầu Toà án buộc chị Trương Thị L và anh Phạm Văn T thanh toán cho chị số tiền nợ gốc là 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng), chị không yêu cầu trả lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Văn T trình bày: Vợ chồng anh có vay của chị Nguyễn Thị H và cũng đã đến Công an xã T nhận nợ với chị H và xin đi làm trả dần với số tiền vay là 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng), hai bên thoả thuận lãi suất bằng miệng là 3.000đ/triệu/ngày, không ghi vào giấy vay tiền. Vợ chồng anh vay số tiền trên để kinh doanh quán Karaoke nhưng thua lỗ dẫn đến vỡ nợ, vợ chồng anh xin đi làm trả dần.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ chị Trương Thị L để làm bản tự khai, trình bày ý kiến về những nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H nhưng chị L không có mặt nên không có lời khai của chị L và các bên không thống nhất được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, anh T không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, chị L không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Về giao nhận, tống đạt văn bản tố tụng Toà án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Phạm Văn T và chị Trương Thị L phải trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền nợ vay ngày 16/7/2022 là 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng). Anh T và chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu anh Phạm Văn T và chị Trương Thị L, cư trú tại Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hoá trả số tiền đã vay nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Chị H có giao nộp cho Toà án 01 (Một) Giấy vay tiền có chữ ký của anh Phạm Văn T và chị Trương Thị L. Đây là bản chính, có nội dung rõ ràng, có số tiền cụ thể được viết cả bằng số và bằng chữ, có chữ ký của anh T và chị L. Theo quy định tại khoản 1 Điều 95 BLTTDS được coi là chứng cứ.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh T, chị L không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh T, chị L theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Anh T, chị L đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh T, chị L đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Phạm Văn T và chị Trương Thị L lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng anh T, chị L vẫn vắng mặt mà không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt anh T, chị L.

[2] Về nội dung: Trong giấy vay tiền, có ghi nội dung: Hôm nay, ngày 16/7/2022, họ tên người vay Trương Thị L, người thừa kế Phạm Văn T là chồng, có vay của Nguyễn Thị H số tiền là 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng), kỳ hạn kể từ ngày vay đến kỳ thanh toán là 16/7/2022 – 16/10/2022, bên dưới có chữ ký của người vay Trương Thị L, người thừa kế Phạm Văn T.

Như vậy, do nhu cầu cần tiền để kinh doanh nên chị Trương Thị L và anh Phạm Văn T có vay tiền của chị H, việc vay tiền giữa chị L, anh T và chị H là có thực, nội dung của hợp đồng không trái pháp luật, được thể hiện bằng văn bản. Đây là hợp đồng hợp pháp được chấp nhận.

Trong Giấy vay tiền ghi người vay là Trương Thị L, người thừa kế là Phạm Văn T nhưng anh T xác nhận số tiền trên do cả hai vợ chồng cùng vay, anh cũng xác định trả số nợ cùng chị L.

Ngoài ra, trong quá trình Toà án giải quyết, đã nhiều lần triệu tập, thông báo cho chị Trương Thị L lên làm việc về yêu cầu khởi kiện của chị H nhưng chị L đều không có ý kiến gì.

Từ những đánh giá nêu trên, khẳng định: Chị Trương Thị L và anh Phạm Văn T có vay tiền của chị Nguyễn Thị H, số tiền gốc chị L, anh T nợ của chị H là: 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng).

[3] Về tiền lãi: Chị H không yêu cầu nên không xem xét.

Đối với ý kiến của anh T: Hai bên thoả thuận lãi suất bằng miệng là 3.000đ/triệu/ngày, không ghi vào giấy vay tiền. Tuy nhiên anh không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào thể hiện hai bên thoả thuận lãi suất và đã trả tiền lãi theo lãi suất 3.000đ/triệu/ngày nên không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về số tiền chị L, anh T phải trả cho chị H: Chị L, anh T có trách nhiệm trả cho chị H số tiền nợ vay ngày 16/7/2022 là 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng). Căn cứ Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 470 BLDS: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H.

[5] Về án phí: Chị L, anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu khởi kiện của chị H được chấp nhận nên chị H không phải chịu án phí. Trả lại chị H số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463; 465; 466; 470 BLDS; các Điều 26; 35; 39; 147; 227; 228; 271; 273 BLTTDS; Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc chị Trương Thị L và anh Phạm Văn T phải trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền nợ vay ngày 16/7/2022 là 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng).

Từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, chị h có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án, hàng tháng chị L, anh T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

Anh Phạm Văn T và chị Trương Thị L phải chịu 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị H số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, theo biên lai số 0004164 ngày 28/12/2023.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị L, anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA; Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Thịnh